

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1993, tại Hà Nội; nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã T, thị xã S, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con bà Nguyễn Thị H (không rõ bố); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2022; hiện đang bị tạm giam tại Trại giam S3 của Công an thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đặng Văn S và Hoàng Ngọc Thanh B, văn phòng luật sư Đặng S và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1984, tại Phú Thọ; nơi ĐKKHKT: Khu F xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ; nơi ở: Số A ngõ F đường L, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn C1 và bà Nguyễn Thị H1; vợ là Vũ Thu H2 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2022; hiện đang bị tạm giam tại Trại giam S3 của Công an thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Văn Đ, văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Bị hại có kháng cáo:

1. Bà Phí Thị Hồng T2, sinh năm 1969; địa chỉ: Số nhà D, đường C, khu đô thị G, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Ông Vũ Xuân H3, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ E, cụm H, phường P, quận T, Thành phố Hà Nội. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H3, bà T2: Luật sư Công Văn T3, văn phòng luật sư Thọ Khang N thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Nguyễn Quang A đã rút đơn kháng cáo, ngày 25/3/2024 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 76/2024/HS-PT; các bị cáo Phạm Hà T4, Trần Thị Thu H4, Dương Thị T5 không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

I. Hành vi sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của Phạm Thu D, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Ngọc C; hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức của Phạm Thu D, Nguyễn Thanh T1, Phạm Hà T4, Trần Thị Thu H4:

Do có thời gian làm môi giới các thủ tục vay tiền tại ngân hàng nên Phạm Thu D biết chỉ cần có thông tin về số tài khoản và số sim điện thoại liên kết với tài khoản ngân hàng thì có thể chiếm đoạt được tiền của chủ tài khoản. Năm

2021, thông qua mạng xã hội, Phạm Thu D quen biết với đối tượng có tài khoản là “Data” nhưng không xác định được nhân thân. Đến tháng 5/2022, “Data” bàn bạc với D về việc sẽ cung cấp cho D thông tin gồm số tài khoản, họ tên chủ tài khoản và số điện thoại đăng ký tài khoản tại ngân hàng, D có nhiệm vụ làm lại sim điện thoại rồi sử dụng sim điện thoại đó để chiếm đoạt tiền trong tài khoản và được hưởng 10% tổng số tiền chiếm đoạt được, D đồng ý.

Sau đó, D bàn bạc và rủ Nguyễn Thanh T1 tham gia, T1 đồng ý. Theo đó, T1 sẽ làm lại sim điện thoại và được trả công 25.000.000 đồng/01 sim điện thoại được làm thành công, T1 rủ bạn là Nguyễn Ngọc C cùng tham gia. Cảnh sẽ đưa người đồng ý thay thế chủ tài khoản đi làm lại sim điện thoại tại các đại lý của các nhà mạng, C sẽ được hưởng tiền công 3.000.000 đồng/01 sim điện thoại được làm lại.

Quy trình cụ thể như sau: Trên cơ sở 06 số điện thoại mà D2 cung cấp cho D, D cung cấp cho T1 gồm:

- (1) Số điện thoại 0985307300 của chị Nguyễn Thị Hồng H5
- (2) Số điện thoại 0981448519 của chị Nguyễn Thị Thu T6
- (3) Số điện thoại 0904139530 của bà Phí Thị Hồng T2
- (4) Số điện thoại 0982883049 của ông Phạm Văn T7
- (5) Số điện thoại 0903902665 của ông Vũ Tuấn M
- (6) Số điện thoại 0905855689 của ông Vũ Xuân H3.

Nguyễn Thanh T1 sử dụng zalo “Lee Nguyễn” liên hệ với zalo “Quang Anh M1”, facebook “Quang Anh M1” của Nguyễn Quang A, Nguyễn Quang A là giám đốc Công ty TNHH MTV T13 là đại lý ủy quyền của V - chi nhánh Tập đoàn V1, Công ty D4- chi nhánh Tổng công ty D4 để lấy thông tin, ảnh hai mặt chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân của các chủ sim. T1 trả công cho Quang A 150.000 đồng/01 thông tin về số sim. Đồng thời, T1 tiếp tục sử dụng zalo “Lee Nguyễn” liên hệ với Phạm Hà T4 tìm người cung cấp ảnh chân dung để làm giả các chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân của các chủ sim. T4 giới thiệu Trần Thị Thu H4 để T1 liên hệ. H4 thỏa thuận với T1 về việc H4 sẽ chụp ảnh chân dung gửi cho T1 để làm giả giấy tờ làm thủ tục cấp lại sim, mỗi sim điện thoại làm lại thành công, T1 trả công cho T4, H4 là 4.000.000đồng. Việc T1 sử dụng các sim cấp lại để làm gì thì T4, H4 không biết. Sau đó, T4 chụp ảnh chân dung của Lê Ngọc H6, của Nguyễn Trường T8 và đối tượng T2 (không xác định được nhân thân) gửi cho H4. H4 tự chụp ảnh chân dung của mình, chụp ảnh đối tượng Hải A1 (không xác định được nhân thân) rồi gửi toàn bộ các ảnh chân dung trên cho T1. T1 thuê đối tượng “Thanh Long” (không xác định được nhân thân) làm giả giấy tờ trên của các bị hại, với giá 1.500.000 đồng/01 giấy tờ. Sau khi làm xong, T1 bảo đối tượng “Thanh Long” gửi chuyển phát nhanh đến địa chỉ của D. Sau đó, D đưa các giấy tờ giả trên cho C đi làm lại sim điện thoại. Do để làm lại được sim điện thoại, cần phải cung cấp 05 số điện thoại liên lạc gần nhất nên T1 đã mua thông tin của 01 đối tượng sử dụng tài khoản facebook “Thanh Nhã” sau này là tài khoản Zalo “Cậu Ba” nhưng không xác định được nhân thân với giá 250.000 đồng/01 sim. Sau

khi có giấy tờ giả, số sim điện thoại của các bị hại cùng với 05 số điện thoại liên lạc gần nhất, T1 gửi cho C. Từ ngày 22.5.2022 đến ngày 28.5.2022, Nguyễn Ngọc C cùng Trần Thị Thu H4, Phạm Hà T4, Lê Ngọc H6, Nguyễn Trường T9 và các đối tượng tên T2, Hải A1 đã đến các nhà mạng để làm lại sim điện thoại trong đó có 06 bị hại. Cảnh cầm toàn bộ các sim điện thoại làm thành công về giao lại cho D.

Sau khi có được sim, Điều lắp vào điện thoại Samsung A5, màu đen nhắn tin theo cú pháp “MSB SODU” gửi đến tổng đài 8049 của Ngân hàng thương mại cổ phần M3 (gọi tắt là Ngân hàng M3) và Ngân hàng M3 gửi số dư có trong tài khoản về sim điện thoại. Sau đó, D truy cập vào ứng dụng “MSB M4” bấm vào mục quên mật khẩu, ứng dụng yêu cầu nhập thông tin tên đăng nhập, số điện thoại, số chứng minh nhân dân, ngày cấp để cấp lại mật khẩu (thông tin này đã được “Data” cung cấp từ trước). Ngân hàng M3 gửi mã OTP đến sim điện thoại và D nhập mã OTP vào ứng dụng, Ngân hàng gửi mật khẩu mới. Điều đăng nhập vào tài khoản và thực hiện chuyển tiền qua internetbanking đến các số tài khoản đối tượng “Data” yêu cầu để chiếm đoạt. Bằng phương thức thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ ngày 22.5.2022 đến ngày 28.5.2022, Phạm Thu D cùng đồng phạm đã chiếm đoạt được số tiền 6.586.799.996 đồng của 06 bị hại, cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất: Sau khi Phạm Thu D, Nguyễn Thanh T1, Phạm Hà T4 và Trần Thị Thu H4 làm Giấy chứng minh nhân dân giả mang tên chị Nguyễn Thị Hồng H5. Ngày 22.5.2022, Phạm Thu D đưa chiếc chứng minh này cho Nguyễn Ngọc C. Sau đó, C cùng với Trần Thị Thu H4, Phạm Hà T4 đến cửa hàng V2 số H đường N, phường N, quận L. Cảnh và T4 đứng ngoài cửa hàng, H4 vào bên trong sử dụng chứng minh giả xin cấp lại sim điện thoại số 0985307300 mang tên chị H5.

Khoảng 12 giờ ngày 22.5.2022, sau khi chiếm được quyền sử dụng sim điện thoại số 0985307300 của chị Nguyễn Thị Hồng H5, Phạm Thu D đã truy cập bất hợp pháp vào tài khoản số 03231013503968 của chị H5 mở tại Ngân hàng M3 và thực hiện việc chuyển khoản, chiếm đoạt tổng số tiền 214.000.000 đồng của chị H5, cụ thể:

- Chuyển khoản số tiền 90.000.000 đồng đến tài khoản số 45240402172 mở tại Ngân hàng T14 mang tên Trần Anh K (sinh năm 2004; trú tại số A đường N, tổ B, khu phố D, phường F, quận G, thành phố Hồ Chí Minh). Cùng ngày, tài khoản này tiếp tục chuyển số tiền 90.000.000 đồng đến tài khoản số 1020291199 tại Ngân hàng N2 mang tên Nguyễn Trịnh Gia B1 (sinh năm 2004; trú tại số nhà H, đường Q, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh).

- Chuyển khoản số tiền 25.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng số 0589887262 mở tại Ngân hàng V3 mang tên Trần Anh K. Cùng ngày, tài khoản này tiếp tục chuyển số tiền 25.000.000 đồng đến tài khoản số 1020291199 mang tên Nguyễn Trịnh Gia B1.

- Chuyển khoản số tiền 99.000.000 đồng đến tài khoản số 25090677 mở tại Ngân hàng A4 mang tên Nguyễn Đức H7 (sinh năm 2004; trú tại số nhà C,

phố Q, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh). Cùng ngày, tài khoản này tiếp tục chuyển số tiền 99.000.000 đồng đến tài khoản số 1020291199 mang tên Nguyễn Trịnh Gia B1.

Sau đó, tài khoản Nguyễn Trịnh Gia B1 chuyển 100.000.000 đồng đến tài khoản số 86688666888666 tại Ngân hàng M5 mang tên Thái Thị P. Tài khoản Thái Thị Phương C2 lại số tiền 15.000.000 đồng về tài khoản Nguyễn Trịnh Gia B1.

Qua điều tra, Cơ quan điều tra xác định Trần Anh K và Nguyễn Đức H7 là bạn của Nguyễn Trịnh Gia B1. Khoảng tháng 4 hoặc tháng 5.2022, B1 rủ K và H7 đi mở tài khoản ngân hàng rồi bán cho đối tượng sử dụng tài khoản facebook “Huỳnh Nam” (không rõ họ tên, địa chỉ). Gia Bảo mở tài khoản tại Ngân hàng M6 có thẻ ATM (không nhớ số tài khoản), Ngân hàng V4 không có thẻ ATM, số tài khoản 1020291199, mang tên Gia B1. H7 mở tài khoản tại Ngân hàng M6 có thẻ ATM (không nhớ số tài khoản), tài khoản số 25090677 tại Ngân hàng A4 có thẻ ATM mang tên H7. K mở tài khoản online tại Ngân hàng V3 với số tài khoản 0589887362, tại Ngân hàng T14 với số tài khoản 45240402172, mang tên K và bán cho đối tượng sử dụng tài khoản facebook “Huỳnh Nam” sử dụng. Gia B1 và H7 thống nhất với nhau chia đôi tiền bán tài khoản Ngân hàng, Gia B1 được hưởng lợi số tiền 2.800.000 đồng, H7 được hưởng lợi số tiền 1.600.000 đồng. Gia Bảo trả cho K số tiền 200.000 đồng tiền Khoa mở online 02 tài khoản. Các đối tượng đều khai không sử dụng các tài khoản ngân hàng đã mở ở trên, không biết số tiền được chuyển vào tài khoản. Kiểm tra điện thoại của Gia B1, H7, K không phát hiện được thông tin liên quan đến vụ án.

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị Hồng H5 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 214.000.000 đồng.

2. *Vụ thứ hai:* Sau khi Phạm Thu D, Nguyễn Thanh T1, Phạm Hà T4 và Trần Thị Thu H4 làm căn cước công dân giả mang tên Nguyễn Thị Thu T6. Ngày 22.5.2022, Phạm Thu D đưa chiếc căn cước này cho Nguyễn Ngọc C. Sau đó, C cùng với Trần Thị Thu H4, Phạm Hà T4 đến cửa hàng V5 số B đường N, phường Đ, quận L. Cảnh và T4 đứng ngoài cửa hàng, H4 vào bên trong sử dụng căn cước giả xin cấp lại sim điện thoại số 0981448519 mang tên chị T6.

Khoảng 08 giờ 30 ngày 23.5.2022, sau khi chiếm được quyền sử dụng sim điện thoại số 0981448519 của chị Nguyễn Thị Thu T6, Phạm Thu D đã truy cập bất hợp pháp vào tài khoản số 02101011940889 mở tại Ngân hàng M3 của chị T6 và thực hiện chuyển khoản để chiếm đoạt 3.001.999.999 đồng của chị T6, cụ thể:

- Chuyển khoản 1.012.000.000 đồng đến tài khoản số 04401014820136 mở tại Ngân hàng M3 mang tên Lê Nguyễn Trọng N1 (sinh ngày 7.11.1993; trú tại số nhà H, đường P, phường G, quận P, thành phố Hồ Chí Minh). Cùng ngày, tài khoản này chuyển 03 lần với tổng số tiền 1.012.000.000 đồng đến tài khoản số 2210188686879 mở tại Ngân hàng M5 mang tên Huỳnh Tấn Đ1 (sinh năm 1993; trú tại ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang) và chuyển 50.000 đồng đến

tài khoản số 19038165648011 mở tại Ngân hàng T15 mang tên Lê Nguyễn Trọng N1.

- Chuyển khoản số tiền 992.000.000 đồng đến tài khoản số 1027958192 mở tại Ngân hàng V4 mang tên Lê Tấn T10 (sinh ngày 27.8.1988; trú tại ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long).

- Chuyển khoản số tiền 997.999.999 đồng đến tài khoản số 106000972932 mở tại Ngân hàng P1 mang tên Âu Minh H8 (sinh ngày 08.5.1998; trú tại xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn).

Cơ quan điều tra đã xác minh, kết quả những người đứng tên tài khoản nhận tiền của Phạm Thu D là Lê Nguyễn Trọng N1, Lê Tấn T10 và Âu Minh H8 đều vắng mặt tại địa phương nên chưa xác định được mức độ liên quan trong vụ án.

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị Thu T6 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 3.001.999.999 đồng.

3. *Vụ thứ ba:* Sau khi Phạm Thu D, Nguyễn Thanh T1, Phạm Hà T4 và Trần Thị Thu H4 làm Giấy chứng minh nhân dân giả mang tên ông Phạm Văn T7. Ngày 26.5.2022, Phạm Thu D đưa chiếc chứng minh này cho Nguyễn Ngọc C. Sau đó, C cùng với Trần Thị Thu H4, Phạm Hà T4, Lê Ngọc H6 đến cửa hàng V2 số 84 đường N, phường N, quận L. Cảnh và T4 đứng ngoài cửa hàng, H4 cùng với H6 vào trong cửa hàng sử dụng chứng minh giả xin cấp lại sim điện thoại số 0982883049 mang tên ông T7.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 26.5.2022, sau khi chiếm được quyền sử dụng sim điện thoại số 0982883049 của ông Phạm Văn T7, Phạm Thu D truy cập vào tài khoản số 19001011333888 của ông T7 mở tại Ngân hàng M3 chuyển số tiền 6.800.000 đồng đến tài khoản số 109873295916 mở tại Ngân hàng V6 mang tên Lữ Thị Kim A2 (sinh năm 1991; trú tại số nhà G, khu phố E, phường T, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Tại Cơ quan điều tra, Lữ Thị Kim A2 khai buôn bán đồng tiền ảo USDT trên mạng xã hội. Ngày 26.5.2022, có một người không rõ họ tên, địa chỉ hỏi mua 200 USDT với giá 6.800.000 đồng. Kim A2 đồng ý bán và người này sử dụng tài khoản số 19001011333888 mở tại Ngân hàng M3 mang tên Phạm Văn T7 chuyển số tiền 6.800.000 đồng đến tài khoản của Kim A2 để mua 200USDT của Kim A2. Kim A2 không biết nguồn gốc số tiền trên.

Về dân sự: Ông Phạm Văn T7 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 6.800.000 đồng.

Vụ thứ tư: Sau khi Phạm Thu D, Nguyễn Thanh T1, Phạm Hà T4 và Trần Thị Thu H4 làm Giấy chứng minh nhân dân giả mang tên bà Phí Thị Hồng T2. Ngày 26.5.2022, Phạm Thu D đưa chiếc chứng minh trên cho Nguyễn Ngọc C. Sau đó, C cùng với Trần Thị Thu H4, đối tượng tên Hải A1 và T4 đến cửa hàng D4 số H phố H, phường H, quận H. Cảnh và T4 đứng ngoài cửa hàng, H4 cùng Hải A1 vào bên trong sử dụng chứng minh giả xin cấp lại sim điện thoại số 0904139530 mang tên bà T2.

Khoảng 16 giờ ngày 26.5.2022, sau khi chiếm được quyền sử dụng sim điện thoại số 0904139530 của bà Phí Thị Hồng T2, Phạm Thu D đã truy cập bất hợp pháp vào tài khoản số 11001016912947 của bà T2 mở tại Ngân hàng M3 và thực hiện việc chuyển khoản để chiếm đoạt số tiền 1.028.999.998 đồng của bà T2, cụ thể:

- Chuyển khoản số tiền 528.999.999 đồng đến tài khoản số 4401014820145 mở tại Ngân hàng M3 mang tên Nguyễn Trọng H9 (sinh ngày 16.3.1988; trú tại số nhà B, đường T, phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh). Cùng ngày, tài khoản này chuyển số tiền 528.999.999 đồng đến tài khoản số 5510120153001 tại Ngân hàng M5 mang tên Nguyễn Minh Đ2 và chuyển số tiền 100.000 đồng đến tài khoản số 657704060121264 tại Ngân hàng V7 mang tên Lê Nguyễn Trọng N1 (ở vụ thứ 2).

- Chuyển khoản số tiền 499.999.999 đồng đến tài khoản số 19034426690015 mở tại Ngân hàng T15 mang tên Trịnh Duy H10 (sinh năm 1992; trú tại tổ C, khu D, phường H, thành phố Hà Nội, tỉnh Quảng Ninh). Cùng ngày, tài khoản này chuyển số tiền 497.541.000 đồng đến tài khoản số 19036085560099, mở tại Ngân hàng T15, mang tên Phạm Thị H11 (sinh năm 1998; trú tại thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Hải Dương).

Cơ quan điều tra đã xác minh đối tượng Nguyễn Trọng H9 nhưng hiện H9 vắng mặt tại địa phương nên không xác định được mức độ tham gia trong vụ án.

Về dân sự: Bà Phí Thị Hồng T2 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 1.028.999.998 đồng.

5. *Vụ thứ năm:* Sau khi Phạm Thu D, Nguyễn Thanh T1, Phạm Hà T4 và Trần Thị Thu H4 làm Giấy chứng minh nhân dân giả mang tên ông Vũ Tuấn M. Ngày 27.5.2022, Phạm Thu D đưa chiếc chứng minh này cho Nguyễn Ngọc C. Sau đó, C cùng với Trần Thị Thu H4, Phạm Hà T4, Nguyễn Trường T8 đến cửa hàng D4, phố Q, phường T, quận H. Cảnh và T4 đứng ngoài cửa hàng, H4 cùng với T8 vào trong cửa hàng sử dụng chứng minh giả xin cấp lại sim điện thoại số 0903902665 mang tên ông M.

Khoảng 17 giờ ngày 27.5.2022, sau khi chiếm quyền sử dụng sim điện thoại số 0903902665 của ông Vũ Tuấn M, Phạm Thu D truy cập bất hợp pháp vào tài khoản số 08001010965325 của ông M mở tại Ngân hàng M3 và thực hiện việc chuyển khoản để chiếm đoạt số tiền 375.000.000 đồng của ông M, cụ thể:

- Chuyển khoản số tiền 225.000.000 đồng đến tài khoản số 04301016717237 mở tại Ngân hàng M3 mang tên Nguyễn Thị Ngọc H12 (sinh ngày 14.6.1964; trú tại số nhà B, đường T, phường E, quận P, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú tại số nhà C, đường P, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh). Cùng ngày, tài khoản này chuyển số tiền 225.000.000 đồng đến tài khoản số 9283167 tại Ngân hàng A4 mang tên Phùng Văn D3 (ở vụ thứ 6); chuyển 50.000 đồng đến tài khoản số 36181211909999 tại Ngân hàng M5 mang tên Nguyễn Đình C3. Ngày 28.5.2022, tài khoản mang tên Phùng Văn D3

chuyển số tiền 499.000.000 đồng đến tài khoản số 3333333183 tại Ngân hàng S4 mang tên Huỳnh Tấn Đ1 (ở vụ thứ 2).

- Chuyển khoản số tiền 150.000.000 đồng đến tài khoản số 19034426690015 mở tại Ngân hàng T15 mang tên Trịnh Duy H10. Cùng ngày, tài khoản này chuyển số tiền 149.493.000 đồng đến tài khoản số 19036085560099 mở tại Ngân hàng T15 mang tên Phạm Thị H11.

Cơ quan điều tra đã xác minh đối tượng Nguyễn Thị Ngọc H12 nhưng hiện H12 vắng mặt tại địa phương nên không xác định được mức độ tham gia trong vụ án.

Về dân sự: Ông Vũ Tuấn M yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 375.000.000 đồng.

6. *Vụ thứ sáu:* Sau khi Phạm Thu D, Nguyễn Thanh T1, Phạm Hà T4 và Trần Thị Thu H4 làm Giấy chứng minh nhân dân giả mang tên ông Vũ Xuân H3. Ngày 28.5.2022, Phạm Thu D đưa chiếc chứng minh này cho Nguyễn Ngọc C. Sau đó, C cùng với Trần Thị Thu H4, Phạm Hà T4, Lê Ngọc H6 đến cửa hàng D4, phố Q, phường T, quận H. Cảnh và T4 đứng ngoài cửa hàng, H4 cùng với H6 vào trong cửa hàng sử dụng chứng minh giả xin cấp lại sim điện thoại số 0905855689 mang tên ông H3.

Khoảng 12 giờ ngày 28.5.2022, sau khi chiếm được sim điện thoại số 0905855689 của anh Vũ Xuân H3, Phạm Thu D đã truy cập bất hợp pháp vào tài khoản số 03201012968693 của ông H3 mở tại Ngân hàng M3 và thực hiện việc chuyển khoản để chiếm đoạt số tiền 1.959.999.999 đồng của ông H3, cụ thể:

- Chuyển khoản 1.110.000.000 đồng đến tài khoản số 0440101482163 mở tại Ngân hàng M3 mang tên Võ Hoàng Gia B2 (sinh năm 1997; trú tại Ấp C, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). Cùng ngày, tài khoản này 03 lần chuyển với tổng số tiền 1.110.000.000 đồng đến tài khoản số 9283167 tại Ngân hàng A4 mang tên Phùng Văn D3 (ở vụ thứ 5).

- Chuyển khoản số tiền 849.999.999 đồng đến tài khoản số 589929999 mở tại Ngân hàng V7 mang tên Trịnh Duy H10 (ở vụ thứ 5). Sau đó, tài khoản này chuyển số tiền 850.000.000 đồng đến tài khoản mang tên Phạm Thị H13 tại Ngân hàng T15 nhưng chưa xác định được thông tin chủ tài khoản.

Về dân sự: Ông Vũ Xuân H3 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 1.959.999.999 đồng.

Cơ quan điều tra đã xác minh đối tượng Võ Hoàng Gia B2 nhưng hiện B2 vắng mặt tại địa phương nên không xác định được mức độ tham gia trong vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Thu D khai: Sau khi chiếm đoạt được tiền của 06 người bị hại nêu trên, D được đối tượng “Data” chia cho tổng số tiền là 795.000.000 đồng. Trong đó ngày 23/5/2022 chuyển 85.000.000 đồng vào tài khoản số 86688666888666 mở tại Ngân hàng M6 mang tên Thái Thị P do D sử dụng, chuyển 03 lần tiền mặt với tổng số tiền là 710.000.000 đồng. Khi nhận được tiền của “Data”, D sử dụng tài khoản số 86688666888666 mở tại Ngân hàng M6, tài khoản số 190385344589016 mở tại Ngân hàng T15 mang tên

Phạm Thị Thúy C4 286.200.000 đồng đến tài khoản số 19034117308017 mở tại Ngân hàng T15 mang tên Nguyễn Thanh T1. Ngoài ra, D đưa trực tiếp cho C 18.000.000 đồng và chuyển 8.300.000 đồng đến tài khoản số 8320107846003 mở tại Ngân hàng M6 mang tên Dương Xuân T11 do C sử dụng để trả tiền công cho T1 và C. Bản thân D được hưởng lợi số tiền là 482.500.000 đồng.

Sau khi nhận tiền của D, Nguyễn Thanh T1 chuyển 72.430.000 đồng cho C để trả tiền cho Trần Thị Thu H4, Nguyễn Quang A, đối tượng Z “Thanh Long”, facebook “Thanh Nhã”. Bản thân T1 được hưởng lợi số tiền 213.770.000 đồng.

Sau khi nhận tiền của T1, Nguyễn Ngọc C chuyển 33.000.000 đồng vào tài khoản số 6888619806886 mở tại Ngân hàng M6 mang tên Trần Thị Thu H4, chuyển 4.800.000 đồng vào tài khoản số 19038327213014 mở tại Ngân hàng T15 mang tên Nguyễn Quang A, đưa 20.000.000 đồng và 4.630.000 đồng tiền mặt cho các đối tượng không quen biết trả tiền cho đối tượng Z “Thanh Long”, facebook “Thanh Nhã”. Bản thân C được hưởng lợi số tiền 36.300.000 đồng.

Số tiền do Trần Thị Thu H4 nhận từ C, H4 đã chuyển 24.300.000 đồng vào tài khoản số 19036563704018 tại Ngân hàng T15 mang tên Phạm Hà T4. H4 được hưởng lợi số tiền 8.700.000 đồng.

Phạm Hà T4 trả công 3.000.000 đồng cho Lê Ngọc H6, 1.400.000 đồng cho Nguyễn Trường T8, 2.500.000 đồng cho đối tượng T2. Số tiền T4 được hưởng lợi là 17.400.000 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 7188/KL-KTHS ngày 17/10/2022 của Phòng K1 - Công an Thành phố Hà Nội, kết luận về 02 chứng minh nhân dân đã thu giữ của Phạm Thu D:

“1. Giấy chứng minh nhân dân số 187311953 cần giám định có dấu vết bóc ảnh cũ thay ảnh mới. Không phát hiện thấy dấu vết tẩy xóa, sửa chữa, điền thêm. Hình dấu, chữ ký hiện Phòng K1 ... không có mẫu lưu nên không tiến hành giám định.

2. Giấy chứng minh nhân dân số 061171266 cần giám định là giấy chứng minh nhân dân giả...”

II. Hành vi làm, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của Phạm Thu D, Nguyễn Thanh T1 và Nguyễn Ngọc C như sau:

Khoảng tháng 8.2021, do có nhu cầu mở tài khoản Ngân hàng nhưng không có chứng minh nhân dân nên D đã truy cập vào mạng xã hội facebook, mua của 01 đối tượng không quen biết 01 chứng minh nhân dân số 187311953 mang tên Thái Thị P (sinh ngày 03.7.1993; trú tại xã K, huyện T, tỉnh Nghệ An), cấp ngày 02.5.2016. Sau đó, D bóc ảnh trong chứng minh nhân dân thay bằng ảnh của D, sử dụng đăng ký mở tài khoản số 15910000296160 tại Ngân hàng B3. Tháng 4.2022, D đăng ký mở tài khoản online số 86688666888666 tại Ngân hàng M6 sử dụng. Sau khi chiếm đoạt được 214.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng của chị Nguyễn Thị Hồng H5, đối tượng “Data” chuyển cho D 85.000.000 đồng tiền công vào tài khoản số 86688666888666. Diệt chuyển số tiền 85.000.000 đồng đến tài khoản số 15910000296160 rút tiền mặt ra sử dụng

chỉ tiêu cá nhân. Khoảng tháng 5.2022, D gửi hình ảnh hai mặt chứng minh nhân dân cùng ảnh chân dung của D nhờ Nguyễn Thanh T1 làm giả. T1 đã làm giả chứng minh nhân dân số 061171266 mang tên Phạm Thu D cho D. Việc T1 làm giả ở đâu, như thế nào D không biết.

Năm 2018, Nguyễn Thanh T1 nhặt được 01 chứng minh nhân dân mang tên Dương Xuân T11 (sinh năm 1989, nơi thường trú tại xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc). Khi Nguyễn Ngọc C nhờ T1 làm chứng minh nhân dân giả để mở tài khoản Ngân hàng. T1 gửi thông tin chứng minh nhân dân mang tên Dương Xuân T11 cùng ảnh chân dung của C cho đối tượng zalo “Thanh Long” để làm giả chứng minh nhân dân. Sau đó, T1 đưa lại chứng minh nhân dân trên cho C. Ngày 02.01.2020, C đã dùng chứng minh thư trên mở tài khoản số 8320107846003 tại Ngân hàng M6 mang tên Dương Xuân T11 để sử dụng. C sử dụng tài khoản này để giao dịch chuyển tiền vi phạm pháp luật. Quá trình điều tra, không thu giữ được chứng minh nhân dân giả nêu trên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 471/2023/HS-ST ngày 25 tháng 09 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Thu D 16 (mười sáu) năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” và 05 (năm) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phạm Thu D phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 21 (hai mươi một) năm tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 11 năm tù của Bản án hình sự sơ thẩm số 259/2022/HSST ngày 26/7/2022 của TAND Thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo Phạm Thu D phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2022.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Thanh T1 15 (mười lăm) năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” và 05 (năm) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Thanh T1 phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2022.

3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Ngọc C 13 (mười ba) năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” và 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo

Nguyễn Ngọc C phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 17 (mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2022.

4. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải bồi thường cho bà Phí Thị Hồng T2 1.028.999.999 đồng, cụ thể như sau:

+ Phạm Thu D: 984.020.324 (chín trăm tám tư triệu không trăm hai mươi ngàn) đồng.

+ Nguyễn Thanh T1: 33.419.392 đồng (ba ba triệu bốn trăm mười chín ngàn ba trăm chín hai) đồng.

+ Nguyễn Ngọc C: 5.669.789 (năm triệu sáu trăm sáu chín ngàn bảy trăm tám chín) đồng.

+ Phạm Hà T4: 3.107.579 (ba triệu một trăm linh bảy ngàn năm bảy chín) đồng.

+ Trần Thị Thu H4: 1.359.426 (một triệu ba trăm năm chín ngàn bốn trăm hai sáu) đồng.

+ Nguyễn Quang A: 740.879 (bảy trăm bốn mươi ngàn tám trăm bảy chín) đồng.

+ Anh Lê Ngọc H6: 463.049 (bốn trăm sáu ba ngàn không trăm bốn chín) đồng.

+ Anh Nguyễn Trường T8: 219.560 (hai trăm mười chín ngàn năm trăm sáu mươi) đồng.

- Buộc các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải bồi thường cho ông Vũ Xuân H3 1.959.999.999 đồng, cụ thể như sau:

+ Phạm Thu D: 1.874.347.999 (một tỷ tám trăm bảy tư triệu ba trăm bốn bảy ngàn chín trăm chín chín) đồng.

+ Nguyễn Thanh T1: 63.601.999 (sáu mươi ba triệu sáu trăm linh một ngàn chín trăm chín chín) đồng.

+ Nguyễn Ngọc C: 10.799.599 (mười triệu bảy trăm chín chín ngàn năm trăm chín chín) đồng.

+ Phạm Hà T4: 5.919.199 (năm triệu chín trăm mười chín ngàn một trăm chín chín) đồng.

+ Trần Thị Thu H4: 2.587.199 (hai triệu năm trăm tám bảy ngàn một trăm chín chín) đồng.

+ Nguyễn Quang A: 1.411.199 đồng (một triệu bốn trăm mười một ngàn một trăm chín chín đồng).

+ Anh Lê Ngọc H6: 917.942 (chín trăm mười bảy ngàn chín trăm bốn hai) đồng.

+ Anh Nguyễn Trường T8: 414.863 (bốn trăm mười bốn ngàn tám trăm sáu ba) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt với các bị cáo khác và trách nhiệm dân sự của của các bị cáo với các bị hại khác, về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 03/10/2023, bị cáo Nguyễn Thanh T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 04/10/2023, bị cáo Nguyễn Ngọc C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 04/10/2023, bị cáo Nguyễn Quang A có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 20/10/2023, bị cáo Nguyễn Quang A có văn bản tự nguyện rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Ngày 25/3/2024, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội ban hành Quyết định đình chỉ việc xét xử phúc thẩm số 76/2024/HS-PT đối với kháng cáo của bị cáo Quang A.

- Ngày 04/10/2023, bị hại là ông Vũ Xuân H3 có đơn kháng cáo; ngày 05/10/2023, bị hại là bà Phí Thị Hồng T2 có đơn kháng cáo. Nội dung cùng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt đối với các bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của họ; đề nghị xem xét về tỷ lệ chịu trách nhiệm bồi thường của các bị cáo, trách nhiệm của Ngân hàng và các nhà mạng trong việc để lộ lọt thông tin dẫn đến khách hàng mất tiền trong tài khoản.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo D trình bày: Bị cáo xin lỗi bị hại, nhận thức rõ lỗi lầm của mình, xin Hội đồng xét xử giảm hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm trở về gia đình và xã hội để có thể đi làm khắc phục hậu quả cho bị hại.

Bị cáo T1 trình bày: Đã tác động gia đình nộp để thi hành án tổng số tiền 120.888.500 đồng tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, trong đó có 110.000.000 đồng tiền bồi thường và 10.888.500 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo các biên lai thu số: 0060515 ngày 31/01/2024 (số tiền 100.000.000 đồng); 0060529 ngày 01/02/2024 (số tiền 10.000.000 đồng); 0060509 ngày 30/01/2024 (số tiền 10.888.500 đồng); gia đình có ông ngoại là người có công với cách mạng, mẹ già hay ốm đau không có chỗ ở phải đi ở nhờ nhà dì, bị cáo không có bố, bị cáo nhận thức pháp luật hạn chế. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo C trình bày: Đã tác động gia đình tự nguyện nộp số tiền 38.315.000 đồng (tiền bồi thường, án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm) tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (do ông Nguyễn Văn Đ nộp thay) theo Biên lai thu số 0060785 ngày 22/03/2024; bị cáo đã ly hôn và có nghĩa vụ nuôi dưỡng con trai là cháu Nguyễn Việt A3 sinh năm 2012, hoàn cảnh gia đình có khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại bà Phí Thị Hồng T2 đã rút một phần nội dung kháng cáo về việc tăng nặng với 03 bị cáo và trình bày đề nghị xem xét trách nhiệm bồi thường, tỷ lệ bồi thường đối với các bị cáo, xem xét trách nhiệm của Ngân hàng H14 làm lộ

thông tin của khách hàng nên các bị cáo mới chiếm đoạt được tiền. Hiện tại bà đã nghỉ hưu, bệnh tật mà cũng không có tiền chữa bệnh.

Bị hại Vũ Xuân H3 có đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa và có quan điểm xem xét việc liên đới bồi thường của các bị cáo, trách nhiệm của Ngân hàng H14, trách nhiệm của cửa hàng và nhân viên cửa hàng M7 và tăng hình phạt đối với các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa sau khi phân tích hành vi của các bị cáo, xác định việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật và có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo, đánh giá tính chất vụ án và xử phạt đối với các bị cáo Phạm Thu D, Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Ngọc C là có căn cứ, phù hợp, đúng pháp luật. Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo T1, C xuất trình tài liệu mới (Biên lai nộp tiền khắc phục hậu quả, án phí hình sự, dân sự; đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn, gia đình bị cáo T1 có ông ngoại có công với cách mạng, bị cáo C đã ly hôn, hiện đang nuôi con nhỏ). Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo từ 06 - 09 tháng tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử, thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Đối với kháng cáo của bị hại: Tại phiên tòa, bà Phí Thị Hồng T2 rút một phần kháng cáo về đề nghị tăng hình phạt đối các bị cáo, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá vai trò của các bị cáo, số tiền hưởng lợi bất chính và quyết định về trách nhiệm dân sự tương ứng, do đó bị hại kháng cáo về phần chia tỷ lệ trách nhiệm bồi thường dân sự là không có căn cứ.

Đối với Ngân hàng: Cách thức, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo là làm lại sim điện thoại để truy cập bất hợp pháp vào tài khoản chiếm đoạt tài sản. Đại diện Ngân hàng H14 cũng đã làm việc với Cơ quan điều tra, tuy nhiên đến nay chưa có tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc lộ lọt thông tin khách hàng xuất phát từ ngân hàng. Do đó, xác định ngân hàng không có lỗi trong việc chiếm đoạt tài sản của các bị cáo, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xác định trách nhiệm bồi thường của ngân hàng là có căn cứ.

Đối với các nhà mạng: Khi làm thủ tục cấp lại sim điện thoại cho các đối tượng giả danh, Cơ quan điều tra có lấy lời khai đầy đủ với các nhân viên nhà mạng. Tuy nhiên, đến nay chưa có tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc cấp sim cho đối tượng giả danh ông H3 là cố tình làm sai quy trình của nhà mạng với mục đích hưởng lợi. Do đó, không có căn cứ để xác định trách nhiệm bồi thường.

Người bào chữa cho bị cáo D trình bày: Đồng ý quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại về phần hình phạt và trách nhiệm dân sự.

Người bào chữa cho bị cáo T1 trình bày: Đồng ý một phần quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, về hình phạt thì đề nghị Hội đồng xem xét vai trò của bị cáo T1, nguyên nhân, bối cảnh xảy ra sự việc. Thời điểm xảy ra phạm tội là dịch Covid, bị cáo không có bố, vì hoàn cảnh khó khăn nên nảy sinh hành vi vi phạm pháp luật nhưng lại không nghĩ đến hậu quả; bị cáo T1 không được hưởng lợi, không được ăn chia số tiền bị cáo D chiếm đoạt. Bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, ăn năn hối cải, tích cực phối hợp cơ quan điều tra sớm kết thúc vụ án, bị cáo xin lỗi bị hại tại phiên tòa; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo tác động gia đình bồi thường cho trách nhiệm dân sự, án phí hình sự, dân sự, có ông ngoại có công với cách mạng, mẹ già hay ốm đau không có chỗ ở. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, giảm hình phạt từ 2-3 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo C trình bày: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận. Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là nặng, hành vi của bị cáo chỉ là làm thuê cho T1, D không được bàn bạc, không được hưởng lợi. Bị cáo có nhiệm vụ đưa đối tượng làm giả sim đến cửa hàng, chờ làm sim xong thì mang về cho D. Tại phiên tòa, bị cáo D, T1 cũng thừa nhận sự việc như vậy. Đối với hành vi làm giả tài liệu, bị cáo làm giả chứng minh thư cho người mất để chờ cơ quan chức năng cấp lại. Bị cáo tự nguyện khắc phục số tiền trách nhiệm dân sự, án phí hình sự, dân sự; bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; đầu thú, có hoàn cảnh khó khăn, đã ly hôn và nuôi con nhỏ, hiện con đang nhờ ông bà nội nuôi dưỡng, chăm sóc; bố bị cáo có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt tù cho bị cáo dưới khung hình phạt (giảm từ 3 - 4 năm tù đối với hai tội danh).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Phí Thị Hồng T2 và Vũ Xuân H3 trình bày: Không đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và Luật sư bào chữa cho các bị cáo. Đề nghị xem xét trách nhiệm Ngân hàng H14, trách nhiệm nhà mạng, trách nhiệm dân sự, hình phạt đối với các bị cáo. Đối với trách nhiệm của Ngân hàng H14: Bị hại là người gửi tiền tới ngân hàng, việc bị hại mất tiền là trách nhiệm của ngân hàng, bị cáo D cũng khai tại phiên tòa đối tượng “Data” biết được thông tin khách hàng có tiền trong tài khoản, “Data” chuyển thông tin khách hàng tới cho bị cáo D. Nền không có đối tượng “Data” chuyển tới thì không thể làm giả căn cước công dân. Các bị cáo đã nhằm tới bị hại có nhiều tiền trong tài khoản. Đối với nhà mạng: Tôi đề nghị triệu tập nhưng không được chấp nhận. Về việc bồi thường trách nhiệm hậu quả: Cơ quan điều tra không làm rõ số tiền bị cáo D chiếm đoạt chuyển đi đâu. Số tiền 60 triệu đồng thu được của bị cáo D so với số tiền 6 tỷ đã chiếm đoạt của các bị hại quá nhỏ. Bị cáo D không chịu khai báo rõ ràng về đối tượng “Data”, việc chuyển tiền cho “Data” nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự với bị cáo D là không có căn cứ. Bị cáo C giúp T1 làm giả 6 căn cước

công dân chuyển tới Diệt để chiếm đoạt tiền của bị hại. Các bị cáo là đồng phạm, giúp sức trong vụ án. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định về vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[1.2] Kháng cáo của các bị cáo, bị hại trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.3] Bị hại Phí thị Hồng Thịnh đã rút một phần nội dung kháng cáo về việc tăng nặng với 03 bị cáo Phạm Thu D, Nguyễn Thanh T1 và Nguyễn Ngọc C nên Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ xét xử phúc thẩm với phần nội dung kháng cáo này theo quy định tại khoản 2 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.3] Ông Vũ Xuân H3 có kháng cáo nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông đã có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự để xét xử vụ án vắng mặt ông H3.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 22/5/2022 đến ngày 28/5/2022, các bị cáo đã có hành vi phạm tội như sau:

- Phạm Thu D: Sau khi thống nhất với đối tượng “Data” (*đến nay chưa xác định được là ai*), D được “Data” cung cấp 06 số tài khoản, họ tên chủ tài khoản và số điện thoại thuê bao đăng ký sử dụng tài khoản của 06 bị hại. Sau đó, D bàn bạc và thuê Nguyễn Thanh T1 làm lại 06 sim số điện thoại đăng ký chủ tài khoản, với mục đích sử dụng số điện thoại đăng nhập vào tài khoản ngân hàng của bị hại, sử dụng dịch vụ Internet Banking để lấy tiền trong tài khoản của bị hại. Để làm lại sim thì T1 thuê đối tượng có tài khoản zalo “Thanh Long” làm giả chứng minh nhân dân của 06 bị hại, T1 thuê Nguyễn Quang A lấy thông tin tại chứng minh nhân dân của chủ thuê bao để cung cấp cho đối tượng có tài khoản zalo “Thanh Long” để làm giả chứng minh nhân dân, đồng thời liên hệ đối tượng sử dụng tài khoản face book “Thanh Nhã” và tài khoản zalo “Cậu Ba” để mua thông tin 05 số điện thoại liên hệ gần nhất với số điện thoại của bị hại để làm lại sim, T1 thuê Trần Thị Thu H4 và Phạm Hà T4 thuê người đóng giả chủ thuê bao, cung cấp ảnh đối tượng đóng giả để làm chứng minh nhân dân giả

(thông tin là của chủ thuê bao còn ảnh là của người giả chủ thuê bao). Có chứng minh nhân dân giả chuyển đến cho D, T1 nhờ Nguyễn Ngọc C đến gặp D nhận các chứng minh nhân dân giả rồi đi cùng H4, T4 và đối tượng nhận giả chủ thuê bao đến các cửa hàng đại lý của H15 làm thủ tục xin cấp lại sim điện thoại của chủ thuê bao là 06 bị hại. Sau khi có sim điện thoại làm lại thì D làm các thao tác theo hướng dẫn online của ngân hàng chiếm quyền quản trị tài khoản của bị hại, thực hiện các lệnh chuyển tiền để chiếm đoạt.

Như vậy hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm quyền quản trị tài khoản rồi chiếm đoạt tổng số tiền 6.586.799.996 đồng của Phạm Thu D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật hình sự. Hành vi thuê T1 làm giả 06 chứng minh nhân dân của bị hại để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, ngoài ra thuê T1 làm 01 chứng minh nhân dân giả mang tên Phạm Thu D, D trực tiếp mua chứng minh nhân dân thật mang tên Thái Thị P rồi bóc ảnh thật dán ảnh của D vào để sử dụng mở tài khoản mang tên Thái Thị P đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự gồm 08 tài liệu.

- Nguyễn Thanh T1: Biết rõ mục đích làm giả 06 chứng minh nhân dân của bị hại để làm lại sim điện thoại của chủ thuê bao nhằm thực hiện chiếm đoạt tiền của chủ tài khoản ngân hàng, T1 vẫn đồng ý giúp D thực hiện các bước để làm lại sim điện thoại hưởng lợi 25.000.000 đồng cho 01 sim làm lại thành công. Ngoài ra, T1 còn làm giả 01 chứng minh nhân dân mang tên Phạm Thu D cho D, làm giả 01 chứng minh nhân dân tên Nguyễn Xuân T12 dán ảnh Nguyễn Ngọc C để cho C sử dụng mở tài khoản ở ngân hàng. Do vậy hành vi làm giả 08 tài liệu, trong đó có 06 tài liệu giúp sức cho D chiếm đoạt tài sản của bị hại của T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật hình sự và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

- Nguyễn Ngọc C: Sau khi được T1 nhờ đưa người đi làm lại sim điện thoại, C biết rõ mục đích làm lại sim để lấy tiền của khách ở ngân hàng, C biết 06 chứng minh nhân dân đều là giả nhưng vẫn đồng ý giúp sức cho T1, C nhận 06 chứng minh nhân dân giả từ Diêu, nhận thông tin 05 số thuê bao gần nhất liên lạc với số điện thoại của bị hại từ T1, sau đó C cùng H4, T4 đưa người đóng giả chủ thuê bao đến các đại lý nhà mạng để làm lại sim, sau khi có sim làm lại C mang về đưa cho D, C là người thanh toán tiền công cho H4 làm lại sim. Ngoài ra, C cung cấp ảnh nhờ T1 làm chứng minh nhân dân cho C để mở tài khoản. Do vậy hành vi giúp sức cho T1, sử dụng 06 chứng minh nhân dân giả làm lại sim điện thoại để cho D sử dụng chiếm đoạt tiền của bị hại của C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 Bộ luật hình sự, hành vi đưa người đi làm lại sim điện thoại và cung cấp thông tin cho T1 làm giả chứng minh nhân dân cho C để mở tài khoản đủ

yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức và Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những xâm phạm đến chế độ quản lý an ninh mạng, gây ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức tín dụng và trật tự quản lý kinh tế của nhà nước Việt Nam trong lĩnh vực tài chính mà còn xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác; Trong khoảng thời gian ngắn các bị cáo đã thực hiện chiếm đoạt tài sản của 06 bị hại với tổng số tiền 6.586.799.996 đồng. Ngoài ra, các bị cáo còn xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính nhà nước, luôn ý thức được hành vi làm giả và sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Ngọc C đề nghị giảm nhẹ hình phạt. Kháng cáo của bị hại Vũ Xuân H3 đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo.

[4.1] Quá trình tranh tụng tại phiên toà sơ thẩm, phúc thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội mà mỗi bị cáo trong vụ án đã thực hiện. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại Vũ Xuân H3 về việc yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo.

[4.2] Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Ngọc C đã tác động gia đình tự nguyện nộp số tiền 38.315.000 đồng (tiền bồi thường, án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm) theo Biên lai thu số 0060785 ngày 22/03/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (ông Nguyễn Văn Đ nộp thay), như vậy bị cáo đã khắc phục nộp đủ số tiền theo quyết định của Bản án sơ thẩm; bị cáo đã ly hôn và có nghĩa vụ nuôi dưỡng con trai là cháu Nguyễn Việt A3 sinh năm 2012, hoàn cảnh gia đình có khó khăn nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Thanh T1 đã tác động gia đình nộp tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội tổng số tiền 120.888.500 đồng, trong đó có 110.000.000 đồng tiền bồi thường và 10.888.500 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo các biên lai thu số: 0060515 ngày 31/01/2024 (số tiền 100.000.000 đồng); 0060529 ngày 01/02/2024 (số tiền 10.000.000 đồng); 0060509 ngày 30/01/2024 (số tiền 10.888.500 đồng) do bà Nguyễn Thị M2 nộp thay. Ông ngoại bị cáo là người có công với nước được tặng thưởng nhiều huân chương, huy chương nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Do hai bị cáo Nguyễn Ngọc C và Nguyễn Thanh T1 có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nên Hội đồng xét xử chấp nhận giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, tạo điều kiện cho các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

[4.4] Xét kháng cáo của bị hại bị hại bà Phí Thị Hồng T2 và ông Vũ Xuân H3 về phân trách nhiệm dân sự với các bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào

vai trò, vị trí, số tiền chiếm đoạt và hưởng lợi của từng bị cáo, người liên quan để quyết định về trách nhiệm dân sự với từng người là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại Điều 587 Bộ luật dân sự.

[4.5] Xét kháng cáo của bị hại bị hại bà Phí Thị Hồng T2 và ông Vũ Xuân H3 đề nghị xem xét trách nhiệm của Ngân hàng Thương mại cổ phần H14 (M3), đại diện các nhà mạng di động D4, VietTell trong việc quản lý hệ thống thông tin, bảo mật, quản lý các dữ liệu điện tử liên quan đến tài khoản của cá nhân khách hàng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập Ngân hàng Thương mại cổ phần H14 (M3), đại diện các nhà mạng di động D4, VietTell nhưng họ vắng mặt. Đại diện Ngân hàng H14 cũng đã làm việc với Cơ quan điều tra tuy nhiên đến nay chưa có tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc để lộ thông tin khách hàng xuất phát từ phía Ngân hàng cũng như việc cấp thông tin về Simcard điện thoại cho đối tượng giả danh ông H3 là cố tình làm sai quy trình của Nhà mạng.

- Đối với các nhà mạng: Khi làm thủ tục cấp lại sim điện thoại cho các đối tượng giả danh, Cơ quan điều tra có lấy lời khai đầy đủ với các nhân viên nhà mạng. Tuy nhiên, đến nay chưa có tài liệu chứng cứ nào thể hiện việc cấp sim cho đối tượng giả danh ông H3 là cố tình làm sai quy trình của nhà mạng với mục đích hưởng lợi. Do đó, không có căn cứ để xác định trách nhiệm bồi thường.

- Cơ quan điều tra cũng đã có quyết định tách một số hành vi, một số vấn đề cần giải quyết trong vụ án để điều tra làm rõ sau, nếu quá trình điều tra phát hiện có sai phạm sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận các nội dung kháng cáo nêu trên của bị hại bà Phí Thị Hồng T2 và ông Vũ Xuân H3.

[5] Hội đồng xét xử còn xét thấy: Trong vụ án còn có 03 bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị, gồm:

- + Bị cáo Trần Thị Thu H4 bị xử phạt 04 năm tù về tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

- + Bị cáo Phạm Hà T4 bị xử phạt 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

- + Bị cáo Dương Thị T5 bị xử phạt 02 năm tù về tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan, tổ chức” và 06 tháng tù về tội “Lừa đảo tài sản” - bị hại là Ngân hàng M8.

Sau khi xét xử sơ thẩm, cả 03 bị cáo H4, T4, T5 không kháng cáo, không bị kháng nghị. Tội phạm mà các bị cáo này thực hiện có khách thể bị xâm hại không liên quan đến 06 bị hại trong đó có ông Vũ Xuân H3 và bà Phí Thị Hồng T2 nên ông H3, bà T2 không có quyền kháng cáo đối với 03 bị cáo về phần hình phạt. Quyết định về hình phạt của Bản án sơ thẩm với các bị cáo H4, T4, T5 đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, các bị cáo có nghĩa vụ chấp hành.

[6] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Ngọc C về việc giảm nhẹ hình phạt được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm; bị hại Phí Thị Hồng T2, Vũ Xuân H3 không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đình chỉ xét xử một phần kháng cáo của bà Phí Thị Hồng T2 về yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo.

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Sửa Bản án Hình sự sơ thẩm số 471/2023/HS-ST ngày 25 tháng 09 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội như sau:

2.1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Ngọc C về việc đề nghị được giảm nhẹ hình phạt. Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Xuân H3 về việc đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo.

2.1.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Thu D 16 (mười sáu) năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Thu D 05 (năm) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phạm Thu D phải chấp hành hình phạt chung của 02 (hai) tội là 21 (hai mươi một) năm tù.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 11 (mười một) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 259/2022/HSST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; hình phạt 03 (ba) năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2024/HSST ngày 07/03/2024 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Buộc bị cáo Phạm Thu D phải chấp hành hình phạt chung cho cả 03 (ba) bản án là 30 (ba mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/6/2022.

2.1. 2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T1 14 (mười bốn) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn

Thanh T1 05 (năm) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Thanh T1 phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 19 (mười chín) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/6/2022

2.1.3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C 12 (mười hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc C 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc C phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 16 (mười sáu) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2022.

3. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại bà Phí Thị Hồng T2 và ông Vũ Xuân H3 đề nghị xem xét trách nhiệm của Ngân hàng Thương mại cổ phần H14 (M3), đại diện các nhà mạng di động D4, VietTell trong việc quản lý hệ thống thông tin, bảo mật, quản lý các dữ liệu điện tử liên quan đến tài khoản của cá nhân khách hàng

4. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phí Thị Hồng T2 và ông Vũ Xuân H3 về phần trách nhiệm dân sự. Giữ nguyên quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 471/2023/HS-ST ngày 25 tháng 09 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về phần trách nhiệm dân sự:

4.1. Buộc các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải bồi thường cho bà Phí Thị Hồng T2 1.028.999.999 đồng, cụ thể như sau:

+ Phạm Thu D: 984.020.324 (chín trăm tám tư triệu không trăm hai mươi ngàn ba trăm hai tư) đồng.

+ Nguyễn Thanh T1: 33.419.392 (ba ba triệu bốn trăm mười chín ngàn ba trăm chín hai) đồng.

+ Nguyễn Ngọc C: 5.669.789 (năm triệu sáu trăm sáu chín ngàn bảy trăm tám chín) đồng.

+ Phạm Hà T4: 3.107.579 (ba triệu một trăm linh bảy ngàn năm trăm bảy chín) đồng.

+ Trần Thị Thu H4: 1.359.426 (một triệu ba trăm năm chín ngàn bốn trăm hai sáu) đồng.

+ Nguyễn Quang A: 740.879 (bảy trăm bốn mươi ngàn tám trăm bảy chín) đồng.

+ Anh Lê Ngọc H6: 463.049 (bốn trăm sáu ba ngàn không trăm bốn chín) đồng.

+ Anh Nguyễn Trường T8: 219.560 (hai trăm mười chín ngàn năm trăm sáu mươi) đồng.

4.2. Buộc các bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải bồi thường cho ông Vũ Xuân H3 1.959.999.999 đồng, cụ thể như sau:

+ Phạm Thu D: 1.874.347.999 (một tỷ tám trăm bảy mươi ba triệu ba trăm bốn bảy ngàn chín trăm chín chín) đồng.

+ Nguyễn Thanh T1: 63.601.999 (sáu mươi ba triệu sáu trăm linh một ngàn chín trăm chín chín) đồng.

+ Nguyễn Ngọc C: 10.799.599 (mười triệu bảy trăm chín chín ngàn năm trăm chín chín) đồng.

+ Phạm Hà T4: 5.919.199 (năm triệu chín trăm mười chín ngàn một trăm chín chín) đồng.

+ Trần Thị Thu H4: 2.587.199 (hai triệu năm trăm tám bảy ngàn một trăm chín chín) đồng.

+ Nguyễn Quang A: 1.411.199 (một triệu bốn trăm mười một ngàn một trăm chín chín) đồng.

+ Anh Lê Ngọc H6: 917.942 (chín trăm mười bảy ngàn chín trăm bốn hai) đồng.

+ Anh Nguyễn Trường T8: 414.863 (bốn trăm mười bốn ngàn tám trăm sáu ba) đồng.

4.3. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Ngọc C đã nộp để thi hành án tổng số tiền 38.315.000 đồng, gồm: Tiền bồi thường, tiền án phí hình sự sơ thẩm, tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai thu tiền số 0060785 ngày 22/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (do ông Nguyễn Văn Đ nộp thay) theo quyết định của Bản án sơ thẩm.

4.4. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thanh T1 đã nộp để thi hành án tổng số tiền 120.888.500 đồng, trong đó có 110.000.000 đồng tiền bồi thường và 10.888.500 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo các biên lai thu số: 0060515 ngày 31/01/2024 (số tiền 100.000.000 đồng); 0060529 ngày 01/02/2024 (số tiền 10.000.000 đồng); 0060509 ngày 30/01/2024 (số tiền 10.888.500 đồng) tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (do bà Nguyễn Thị M2 nộp thay). Còn phải thi hành tiếp số tiền bồi thường: 103.770.000 đồng.

5. Về án phí phúc thẩm:

5.1. Các bị cáo Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Ngọc C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

5.2. Bị hại bà Phí Thị Hồng T2 và ông Vũ Xuân H3 mỗi người phải chịu 300.000 nghìn đồng án phí dân sự phúc thẩm.

- Ghi nhận bà Phí Thị Hồng T2 đã nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0022784 ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

- Ghi nhận ông Vũ Xuân H3 đã nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu tiền số 0022785 ngày 29 tháng 11 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1-Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Trại Tạm giam - Công an TP Hà Nội;
- Các Bị cáo (qua trại TG);
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu HSYA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh